

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7
TỈNH THANH HOÁ
Số: 52/2026/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Thanh Hóa, ngày 21 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 78/2026/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2026; giữa:

* *Nguyên đơn*: chị Vũ Thị T, sinh năm 1985;

Căn cước công dân: 038185016517;

Địa chỉ: thôn Y, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

* *Bị đơn*: anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1977;

Căn cước công dân: 038077007808;

Địa chỉ: thôn Y, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

- Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 51; 55; 57; 58; 68; 69; 70; 71; 72; 81; 82; 83; 84, 110, 116, 117 và 119 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 3 Điều 12, khoản 3 Điều 13; điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều 27; khoản 6 Điều 19 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13/4/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa: chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về hôn nhân*: chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn C đều có ý kiến chung và cùng thống nhất, thuận tình ly hôn.

* *Về con chung*: chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn C đều có ý kiến chung và cùng thống nhất; vợ chồng có 02 con chung, các cháu tên là Nguyễn Anh T1 (giới tính: Nam), sinh năm 2006 và Nguyễn Nam P (giới tính: Nam), sinh năm 16/02/2012; hiện

nay cả 02 cháu đều phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau, bệnh tật gì.

Đối với cháu Nguyễn Anh T1 đã trưởng thành và tự lập được, chị T và anh C không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Nam P, chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn C đều có ý kiến chung thống nhất: giao cháu Nguyễn Nam P cho anh Nguyễn Văn C (bố đẻ cháu) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị Vũ Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính tháng 4/2026 cho đến khi cháu Nguyễn Nam P thành niên (đủ 18 tuổi).

Hàng tháng, chị Vũ Thị T phải nộp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Nam P cho anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1977; Địa chỉ: thôn Y, xã T, tỉnh Thanh Hóa; Hoặc nộp tiền qua Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Chị Vũ Thị T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được phép ngăn cản chị T thực hiện quyền này.

Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn C đều có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

* *Về tài sản, công nợ chung và các nghĩa vụ khác*: chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn C đều có ý kiến chung và cùng thống nhất, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

* *Về án phí*: chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn C đều có ý kiến chung thống nhất, thỏa thuận; chị Vũ Thị T chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) và 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con; nhưng chị T đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, ký hiệu BLTU/26E, số 0002253, ngày 26/3/2026; chị Vũ Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Văn C không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 - Thanh Hoá;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Tây Đô, tỉnh Thanh Hóa.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Xuân Sơn

